TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2025/DS-ST
Ngày: 29-12 - 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Bà Phan Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 174/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số C, thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị H: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số C Đ, thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Hiện nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Kim N phải cho vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Về căn cứ khởi kiện:

Do có quen biết với nhau nên bà Phan Thị H cho bà Lê Thị Kim N vay tiền các lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 31/8/2025 bà H cho bà N vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Lần thứ hai: Ngày 3/9/2025 bà H cho bà N vay tiếp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Cả hai lần vay tiền trên thì bà N có hứa vay tiền về mua bò bán lại kiếm lời, khi bán được trả cho bà H (mượn trong thời gian ngắn) nên hai bên không lập giấy tờ vay với nhau.

Sau nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả được thì đến ngày 9/10/2025 thì bà H mới yêu cầu bà N viết giấy mượn tiền để xác nhận có nợ bà H 80.000.000 đồng. Đồng thời bà N có hứa trả dần cho bà Hiệu số tiền trên, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên bà H đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết.

Bị đơn bà Phan Thị H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Giữa bà N và bà Phan Thị H có quan hệ quen biết nhau, không có quan hệ họ hàng thân thích gì với nhau.

Thời gian trước đây bà N có vay tiền của bà H nhiều lần, mỗi lần vay số tiền khoảng 30.000.000 đồng, 50.000.000 đồng. Mục đích bà N vay tiền bà H để mua bò về bán lại kiếm lời. Mỗi đợt bà N buôn có lời thì đều trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà H.

Đến tháng 9/2025, bà N nợ bà H tổng cộng 130.000.000 đồng. Khi bà N bán bò được 74.000.000 đồng do bị lỗ nên xin trả trước cho bà H 50.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Còn lại số tiền 80.000.000 đồng thì bà N xin bà H trả dần tiền gốc chứ không có làm ăn buôn bán nữa nên không trả lãi. Bà H đã đồng ý cho bà N trả dần tiền gốc mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó do bà N bị bệnh nên chưa trả được số tiền 4.000.000 đồng mỗi tháng như đã hứa với bà H. Hiện nay bà N xin trả trước cho bà H hai tháng là 8.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng bà N sẽ trả cho bà H 4.000.000đồng. Bà N đề nghị bà H rút lại đơn khởi kiện đối với bà N.

Do điều kiện công việc nên bà N và chồng bà N là ông Nguyễn Hữu D không thường xuyên ở chung với nhau và có đăng ký hộ khẩu ở hai nơi khác nhau. Công việc, thu nhập của bà N và ông D cũng độc lập với nhau. Vì vậy số tiền bà N vay của bà H là để làm ăn riêng không liên quan tới ông D; bà N tự chịu trách nhiệm về khoản nợ này.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T là chồng của bà Phan Thị H.

Số tiền bà H cho bà Lê Thị Kim N vay là tài sản chung của ông T và bà H. Vì vậy, ông T yêu cầu bà N phải trả nợ cho vợ chồng ông T bà H theo yêu cầu của bà H.

Những tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp: Một giấy mượn tiền đề ngày 9/10/2025 thể hiện số tiền mượn 80.000.000 đồng có ký tên Lê Thị Kim N.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp: Không có

Chứng cứ Toà án thu thập: Bản tự khai của đương sự; biên bản lấy lời khai người làm chứng; biên bản công khai chứng cứ; biên bản hoà giải.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau:

Bà Lê Thị Kim N có nợ của bà Phan Thị Hiệu S tiền 80.000.000 đồng.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả dứt điểm số tiền 80.000.000 đồng;
- Bị đơn xin trả dần hàng tháng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 146, 147, 203, điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị H: Buộc bà Lê Thị Kim N phải trả cho bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng tiền nợ vay.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải đóng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có người đại diện theo uỷ quyền tham gia và bị đơn có mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ vay. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị H:

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Thái B vẫn giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn –bà Lê Thị Kim N phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền nợ vay 80.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Lê Thị Kim N xác nhận còn nợ của bà Phan Thị Hiệu S tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Hiệu số tiền 80.000.000 đồng nhưng xin được trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bà N xác nhận số tiền nợ của bà H và thống nhất trả nhưng bà N không ký vào biên bản hoà giải thành tại Toà án vì bà N cho rằng không có đủ tiền trả một lần cho bà H vì vậy Toà án không ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự mà phải đưa ra xét xử.

Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" mà nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung " *Chị Lê Thị Kim N thôn B xã Đ có mượng của vợ chồng em Út thôn L xã T- T LĐồng với số tiền là 80 chục trụi số tiền không tính lãi. Từ ngày 10/10/2025 chị trả 1 tháng 4.000 trả đến hết; 80 chục triệu , chị trả 20 tháng nếu chị không trả tôi kiện chị ra toà".* Như vậy, thời điểm ngày 10/10/2025, giữa bà H và bà N đã chốt với nhau về số tiền nợ là 80.000.000 đồng; đồng thời thoả thuận hàng tháng bà N trả dần cho bà H 4.000.000 đồng. Tuy nhiên bà N đã không thực hiện đúng thoả thuận với bà H. Do đó, yêu cầu của bà H về việc buộc bà N trả số tiền nợ vay 80.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Số tiền bà H cho bà N vay là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông T. Do đó, cần buộc bà Lê Thị Kim N phải

trả cho bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền nợ vay 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – Lê Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H về việc buộc bị đơn bà Lê Thị Kim N phải trả tiền nợ vay.

Buộc bà Lê Thị Kim N phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận; trường hợp hai bên không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Kim N phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bà Phan Thị Hiệu S tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009051, ngày 21/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2025).

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận